

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 19 / 11 / 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Mừng;

2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 637/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2019 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 506/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 453/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Phước T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp H, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; có mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Thị Kim Q, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp T, xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước T trình bày, qua thời gian quen biết, tìm hiểu, ông T và bà Lê Thị Kim Q tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 10/9/2010. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bà Q không rõ ràng trong việc quản lý tài sản gia đình, không chịu sinh con. Ông T về nhà cha mẹ ruột của ông T sinh sống và có nhiều lần đón bà Q về sống chung nhưng bà Q không chấp nhận. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Vợ chồng không có con

chung, tài sản chung và nợ chung.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Q; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện gồm: bản sao trích lục kết hôn số 198, ngày 16/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện Chợ Mới.

- Bị đơn bà Lê Thị Kim Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

Ông T trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác cung cấp thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Phước T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Kim Q. Bà Q cư trú trên địa bàn huyện Chợ Mới. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Lê Thị Kim Q đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Qua thời gian quen biết, tìm hiểu, ông T và bà Q kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 10/9/2010 nên quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà Q là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Ông T xác định, trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, bà Q không rõ ràng trong việc quản lý tài sản gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2015 cho đến nay. Cho nên, ông T yêu cầu ly hôn với bà Q.

Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống, bà Q không rõ ràng trong việc quản lý tài sản gia đình nên ông T, bà Q thường xuyên cãi vã nhau. Bên cạnh đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà Q nhưng bà Q không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông T. Cho nên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông T, bà Q là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận

yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà Q theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông T xác định không có và không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bà Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Phước T.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Phước T được ly hôn với bà Lê Thị Kim Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 110 ngày 10/9/2010 do Ủy ban nhân dân xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Phước T và bà Lê Thị Kim Q không còn giá trị pháp lý.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2016/0013336 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 17 tháng 7 năm 2019; ông Nguyễn Phước T đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị Kim Q không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Phước T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của bà Lê Thị Kim Q được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới (1);
- UBND xã K, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

THÂM PHÁN – CHÚ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Chí Bình